



HỌC TẬP VÀ TIẾP NHẬN CÁC THÀNH TỰU VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỦA NHẬT BẢN THỜI CẬN HIỆN ĐẠI

Learning and absorbing Western civilized achievements of Japan in the Modern times

Nguyễn Đức Hòa

Trường Đại học Gia Định

TÓM TẮT

Thời cận hiện đại, Nhật Bản nhận thấy muốn thoát khỏi nguy cơ bị phương Tây xâm lược, họ cần phải học tập văn minh tiên tiến của phương Tây để phát triển đất nước tự cường. Người Nhật đề ra chính sách, chọn lựa học tập văn minh phương Tây – mà họ coi là loại hình văn minh phát triển cao nhất thời bấy giờ. Nhật Bản đã thực hiện các biện pháp gián tiếp và trực tiếp để tiếp thu các thành tựu văn minh phương Tây, như: thuê chuyên gia nước ngoài giảng dạy kỹ thuật, cử học sinh sang phương Tây học tập. Sau khi tiếp thu các thành tựu văn minh phương Tây, người Nhật đã biến đổi, ứng dụng sáng tạo các thành tựu đó vào các lĩnh vực thích hợp nhất của Nhật Bản.

Bài viết trình bày Nhật Bản học tập và tiếp thu thành tựu văn minh phương Tây và kết quả và ảnh hưởng của chúng tới phát triển kinh tế, xã hội Nhật Bản thời cận hiện đại.

Từ khóa: *Tiếp thu, văn minh, Nhật Bản, cận đại, các nước phương Tây*

ABSTRACT

In modern times, Japan realized that in order to escape the risk of Western invasion, they had to learn from advanced Western civilization to develop a self-reliant country. The Japanese set a policy and chose to study Western civilization - which they considered the most highly developed form of civilization at that time. Japan has taken indirect and direct measures to absorb Western civilizational achievements, such as hiring foreign experts to teach techniques and sending students to the West to study. After absorbing achievements of Western civilization, the Japanese have transformed and creatively applied those achievements in the most appropriate fields of Japan.

The article presents Japan learning and absorbing the achievements of Western civilization and their results and effects on Japan's economic and social development.

Keywords: *Absorb, civilization, Japan, modern times, West countries;*

1. Đặt vấn đề

Phân kỳ của lịch sử Nhật Bản khá phức tạp từ thời cổ đại (TK III-VIII), trung đại (Asura, Nara, Heian-TK VIII-XVII), thời phong kiến từ TK XVII-1868 và thời cận đại từ 1868 đến 1912 và hiện đại sau

1912 (hoặc 1926) đến nay (Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, 1998, tr.301-320). Phân kỳ lịch sử cận đại thế giới mở từ cách mạng tư sản Hà Lan (1566) cho đến 1917 theo quan điểm của các nhà sử học Mác-xít. Thời kỳ hiện đại tính từ 1918

đến nay; ở một số nước, lịch sử thế giới thời kì từ 1945 đến nay được gọi là lịch sử đương đại. Cách phân chia mốc lịch sử thế giới cận – hiện đại phổ biến chủ yếu ở các nước Âu – Mỹ. Nhìn chung, đó được xem như sự phân kỳ lịch sử mang tính đại diện của lịch sử thế giới. Thời cận hiện đại, Nhật Bản đứng trước nguy cơ bị phương Tây xâm chiếm, người Nhật nhận ra sự tụt hậu rất xa của đất nước họ so với các nước phương Tây. Điều kiện lịch sử và nguy cơ đe dọa của thực dân phương Tây, đã buộc Nhật Bản phải canh tân đất nước và tìm ra phương cách học tập, tiếp thu và áp dụng các thành tựu tiên tiến của văn minh phương Tây tạo nên sự biến đổi, phát triển văn minh Nhật Bản thời cận hiện đại. Các biện pháp như cử sứ đoàn khảo sát, thuê chuyên gia nước ngoài, cử du học sinh sang phương Tây, Nhật Bản thực hiện được từng bước một cách có hiệu quả cao. Người Nhật đã bản địa hóa các yếu tố văn minh tiếp thu từ phương Tây, tạo ra bước phát triển vừa nhanh chóng, vừa bền vững của văn minh Nhật Bản. Nhật Bản để lại bài học về những cách thức tiếp thu các thành tựu văn minh cận đại phương Tây, mà vẫn hài hòa và giữ gìn được truyền thống văn hóa, văn minh của dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử Nhật Bản tiếp xúc và học tập văn minh phương Tây

Bối cảnh lịch sử Nhật Bản học tập văn minh phương Tây từ sau Minh Trị Duy tân (1868) cho đến trước 1945 tương đương thời kỳ cận hiện đại. Nhật Bản sớm tiếp xúc với phương Tây và sự kiện hạm đội Mỹ tới Nhật Bản năm 1853 là mốc lịch sử lớn.

Nhật Bản đã có sự tiếp xúc với phương Tây từ giữa thế kỷ XVI. Năm 1543, các thủy thủ Bồ Đào Nha dạt vào Tanegashima, trong quần đảo Osumi, ngẫu nhiên trở thành

những người châu Âu đầu tiên đặt chân đến Nhật Bản. Sau khi thống nhất đất nước, Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển của chế độ phong kiến trong thời đại Edo (1603 - 1868). Tuy nhiên, sau cuộc nổi loạn Shimabara của tín đồ Công giáo (1637 -1638), Mạc phủ (Bakufu) buộc tội các nhà truyền giáo phương Tây xúi giục cuộc nổi loạn, trục xuất họ ra khỏi nước Nhật và thi hành chính sách cấm đạo. Các thương nhân ngoại quốc bị cấm tới Nhật Bản buôn bán (trừ người Hà Lan và người Trung Hoa).

Mạc phủ và Thiên hoàng lo sợ phương Tây mượn cơ xâm lược Nhật Bản, khi họ thấy các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp đang xâm chiếm thuộc địa khắp trên thế giới. Thi hành chính sách *Tỏa quốc* (*Sakoku*, 鎖国 - khóa đất nước lại) và cấm đạo Thiên chúa đã làm cho Nhật Bản bị cô lập với thế giới khoảng 200 năm (từ giữa thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX). Nhật Bản thi hành chính sách đóng cửa đất nước và cấm đạo Thiên chúa như là phương cách phòng vệ tiêu cực và thụ động, cũng giống như các nước phương Đông khác tiến hành trước nguy cơ xâm lược của phương Tây.

Tuy vậy, Nhật Bản không hoàn toàn đóng cửa với bên ngoài, người Hà Lan vẫn được phép buôn bán ở thương điểm duy nhất tại cảng Nagasaki. Mạc phủ cho phép thương nhân Trung Hoa và người Hà Lan - là người Âu châu duy nhất được đặt chân lên đất Nhật Bản với điều kiện không dính líu vào các hoạt động truyền giáo. Cái khe cửa mở hẹp đó đã giúp tạo mối liên hệ giữa Nhật Bản với phương Tây. Nó giúp cho các samurai thất nghiệp sau chiến tranh tham gia phong trào *Lan học* (*Rangaku*, 蘭学/らんが)- đi du học phương Tây qua ngã Hà Lan). Tại Nagasaki, thông qua người Hà Lan, các thành tố văn minh phương Tây đã ảnh hưởng tới người Nhật.

Nagasaki đã trở thành cầu nối quan trọng giữa Nhật Bản và thế giới phương Tây. Sự chuyển đổi từ *Lan học* sang *Dương học* một dấu ấn mới minh chứng về ảnh hưởng của văn minh phương Tây ở Nhật (Nguyễn Thị Châu, 2020, tr.106). Người Nhật Bản đã tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, qua nghiên cứu y học và đọc tài liệu bằng tiếng Hà Lan từ cửa khẩu Nagasaki trong thời kỳ này.

Trong suốt các thế kỉ XVII-XVIII, các tàu buôn Hoa Kỳ, Nga và Pháp cố gắng thiết lập các mối quan hệ thương mại với Nhật Bản, nhưng đều bị Mạc phủ từ chối. Tuy nhiên, chính sách bế quan tỏa cảng của Nhật Bản cũng không thể duy trì lâu trước sức ép của phương Tây. Năm 1853 Phó Đề đốc Hải quân Hoa Kỳ Matthew Perry đến Nhật Bản và ép triều đình Nhật Bản phải mở cửa thông thương. Ngày 31 tháng 3 năm 1854, *Hiệp ước Kanagawa* (Kanagawa Jōyaku, 神奈川条約) được ký kết giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, buộc Nhật Bản phải mở hai hải cảng Shimoda và Hakodate cho thương thuyền Hoa Kỳ vào buôn bán (Perry, Matthew Calbraith, 1856). Vào năm 1858, Mỹ ký hiệp ước buôn bán bất bình đẳng với Nhật mở cửa Eđô, Kôbê, Yakôma, Ôsaka và Nagasaki, giành được quyền lãnh sự và tối huệ quốc về quan thuế (the consular authority and most favored nation customs duties).

Khi buộc phải ký Hiệp ước Kanagawa với Hoa Kỳ cũng là lúc Nhật Bản chấm dứt chính sách Tỏa quốc và buộc phải mở cửa đất nước. Sau đó, Mạc phủ lần lượt phải ký các điều ước bất bình đẳng với các nước Anh, Pháp, Hà Lan và Nga.

Chính sách ngoại giao pháo hạm của thực dân phương Tây đã đặt đất nước Nhật Bản trước nguy cơ bị xâm lược, mất độc lập như nhiều nước châu Á và châu Phi.

Nhằm thoát khỏi nguy cơ bị phương Tây nô dịch, cải cách Meiji (明治維新 Meiji-ishin) xuất hiện trong bối cảnh lịch sử đó. Chế độ Mạc phủ của Shogun (Tướng quân) tan rã, Thiên hoàng mới Meiji (Minh Trị) lên ngôi khi mới 15 tuổi và quyền lực Thiên hoàng được phục hồi. Năm 1868, thời đại Meiji bắt đầu, cùng với một chuỗi các sự kiện cải cách, canh tân dẫn đến các thay đổi to lớn trong cấu trúc xã hội và chính trị Nhật Bản.

Là nước ở phương Đông rất sớm tiếp xúc với văn hóa và văn minh phương Tây, người Nhật dùng chữ *Bunka* để dịch nghĩa *Văn hóa* (culture) phương Tây và họ còn tiếp nhận từ *civilization* mà dịch thành *Bumei* chỉ khái niệm văn minh thời cận đại. Người Nhật dùng *Bumeikaika* (文明開化) để chỉ *Văn minh khai hóa* mà dân tộc họ đang hướng tới.

Trước thời kì Minh Trị, Nhật Bản đã tiếp xúc văn hóa, văn minh phương Tây và chúng có những ảnh hưởng đến xã hội Nhật Bản (Taryō Ōbayashi, 1963, p.240). Giữa thế kỷ XIX, Nhật Bản mở cửa với phương Tây, quyền lực của Shogun và của các lãnh chúa phong kiến (daimyo) bị bãi bỏ, quyền lực tập trung tuyệt đối trong tay Thiên Hoàng.

Vào thời kỳ Meiji, lực lượng tư sản mới có thế lực về kinh tế, ủng hộ mạnh mẽ canh tân đất nước, học tập văn minh phương Tây và tuyên truyền cho tư tưởng tự do phương Tây, tiêu biểu là Fukuzawa Yukichi. Trong tác phẩm *Khái lược văn minh luận* (1875) và *Khuyến học* (1876), Fukuzawa Yukichi chỉ ra sự bất lực hệ tư tưởng phong kiến, con đường tiến lên văn minh là để bảo vệ độc lập Nhật Bản. Ông tuyên truyền luận điểm học tập nước ngoài là nhằm đuổi kịp phương Tây (Fukuzawa Yukichi, 2018).

Năm 1868, đánh dấu sự cáo chung của chế độ Mạc phủ và là mốc Thiên hoàng Meiji bắt đầu lên ngôi, tiến hành cải cách đất nước và học tập theo văn minh phương Tây. Minh Trị duy tân (Meiji-ishin) thắng lợi nhờ dựa trên cơ sở lực lượng tư sản mới có thể lực, ủng hộ cải cách theo mô hình phương Tây, mở đường cho sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản. Một số nhà nghiên cứu Nhật Bản đã phân tích và lí giải Nhật Bản thành công trong cuộc đại cách mạng năm 1868 dưới ảnh hưởng của công nghệ - văn hóa văn minh phương Tây (Michio Morishima, 1991). Thành công cải cách Meiji đã đưa nước Nhật bước vào cận đại hóa và văn minh hóa theo mô hình phương Tây.

2.2. Các biện pháp học tập thành tựu văn minh phương Tây của Nhật Bản

2.2.1. Các chính sách của Nhật Bản

Vào thời cận đại, khi nhận thức được sự tiến bộ vượt bậc của văn minh phương Tây thì Nhật Bản chủ trương học tập khoa học, kỹ thuật phương Tây để văn minh hóa, hiện đại hóa đất nước. Khi bàn về sự tiếp thu các thành tựu văn minh bên ngoài để hình thành nên hệ tư tưởng, tổ chức nhà nước và cơ sở vật chất kỹ thuật, GS Vĩnh Sính cho rằng “hiếm có dân tộc nào nhạy bén bằng người Nhật Bản. Người Nhật không ngừng theo dõi, đánh giá và cân nhắc ảnh hưởng của những trào lưu và tác động bên ngoài đối với họ. Khi họ biết trào lưu nào đang thắng thế thì họ có khuynh hướng chấp nhận, học hỏi, nghiên cứu để bắt kịp trào lưu đó, không để mất thời cơ (Vĩnh Sính, 1991, tr.20).

Bước vào thời cận đại, Nhật Bản sớm nhận thấy sự yếu kém, lạc hậu của Nhật Bản so với phương Tây phát triển vượt bậc về chính trị, kinh tế, kỹ thuật và khoa học. Người Nhật xác định phải tập trung học tập phương Tây, vì họ cho rằng các nước

phương Tây có nền kinh tế và khoa học kỹ thuật tiên tiến bậc nhất thế giới lúc bấy giờ. Có thể nói cải cách của Meiji Duy 1868 là bước mở đầu cho sự tiếp thu nền văn minh phương Tây.

Từ sau cải cách Meiji (1868), Nhật Bản vạch ra chính sách, chủ trương học tập văn minh phương Tây, bằng loạt các phương pháp khoa học, những bước đi thích hợp từ việc cử sứ đoàn cao cấp đi sang phương Tây khảo sát, đến loạt biện pháp khôn khéo mời các chuyên gia nổi tiếng của phương Tây sang Nhật Bản giảng dạy, truyền đạt kiến thức khoa học, kỹ thuật và cuối cùng là khuyến khích, cử học sinh Nhật Bản du học các nước phương Tây để trực tiếp học tập kỹ thuật và khoa học tiên tiến của phương Tây.

2.2.2. Cử sứ đoàn đi khảo sát thành tựu tiên tiến của văn minh phương Tây

Trước năm 1871, Nhật Bản đã có các cuộc tiếp xúc phương Tây với những mục đích khác nhau, từ thăm dò cho đến tìm cách xóa bỏ dần các hiệp ước bất bình đẳng mà Nhật Bản đã ký với các nước phương Tây.

Ngày 8 tháng 10 năm 1871, Thiên hoàng Meiji cử phái đoàn đông đảo (107 quan chức cao cấp) cầm đầu là Iwakura Tomomi làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, cùng 4 phó sứ là Okubo Tashimichi, Kido Takayoshi, Ito Hirobumi, Yamaguchi Nagayoshi đi sứ sang 12 nước phương Tây. Sứ đoàn này có sứ mệnh thực hiện hàng loạt nhiệm vụ khác nhau, trước hết là thăm viếng ngoại giao, đáp lễ với các nước phương Tây đã ký các hiệp ước với Nhật Bản. Nhiệm vụ thứ hai của Sứ đoàn là chuẩn bị thương thuyết để sửa đổi những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ ký kết với các nước phương Tây trước đây. Nhiệm vụ quan trọng thứ ba của Sứ đoàn phải thị sát, nghiên cứu chế độ chính trị,

cùng các thành tựu tiên tiến nhất về khoa học, kỹ thuật, công nghiệp, quân sự và các lĩnh vực khác của các nước phương Tây. Sứ đoàn Nhật Bản do Iwakura Tomomi cầm đầu làm lễ xuất hành vào ngày 6/11/1871 và rời cảng Yokohama vượt Thái Bình Dương đến Mỹ và sau đó là tới 11 nước phương Tây khác, bao gồm: Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Nga, Đan Mạch, Thụy Điển, Ý, Áo và Thụy Sĩ. Thời gian công tác của Sứ đoàn Nhật Bản kéo dài 1 năm 10 tháng (từ ngày 6 tháng 11 năm 1871 đến ngày 13 tháng 9 năm 1873).

Nhiệm vụ quan trọng thứ hai của Sứ đoàn Iwakura đàm phán về sửa đổi hiệp ước bất bình đẳng trước đây, trước hết là về quyền lãnh sự tài phán và chủ quyền quan thuế, đã không mang lại một kết quả đáng kể nào (Lê Văn Quang, 1996, tr.172-173).

Về nhiệm vụ thứ ba của Sứ đoàn Iwakura Tomomi: vấn đề cực kỳ hóc búa đặt ra Sứ đoàn phải thực hiện là cần khảo sát, xác định xem phải học cái tốt nhất ở nước phương Tây nào, đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại và thích ứng với Nhật Bản, giúp cho Nhật Bản phát triển nhanh chóng. Sứ đoàn phải hoàn thành sứ mệnh đó trong chuyến công tác cấp nhà nước kéo dài suốt 1 năm 10 tháng tại các nước phương Tây. Sứ đoàn đã quan sát trực tiếp, ghi chép, học hỏi, đi đến nhận thức tổng quan về chế độ tư bản chủ nghĩa và các thành tựu văn minh công nghiệp ở phương Tây - có thể áp dụng trong các lĩnh vực mà Nhật Bản cần nhất. Khi đến thăm các nước phương Tây, Sứ đoàn Nhật Bản đã có các nhận thức bước đầu và những thu hoạch cụ thể, nhận ra lĩnh vực ưu việt nhất của mỗi nước phương Tây, mà Nhật Bản cần chọn lựa học tập, tiếp nhận.

Về chính trị, Sứ đoàn nhận thấy chế độ quân chủ-lập hiến Anh với một nền dân

chủ phát triển cao, chưa phù hợp với điều kiện phát triển xã hội của Nhật Bản. Sứ đoàn nhận ra chỉ có nền quân chủ-lập hiến, tập trung quyền lực như ở Đức là phù hợp nhất với thể chế nhà nước Nhật Bản, bởi lẽ cả hai nước tương đồng về cơ sở nhà nước dựa trên chính quyền phong kiến quân sự. Sứ đoàn cho rằng Nhật Bản xây dựng một quốc gia phú quốc cường binh theo mô hình của nước Đức là thích hợp nhất

Về mặt kinh tế, Sứ đoàn nhận thức nước Anh có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất thế giới đương thời. Sứ đoàn nghiên cứu, nhận thấy Nhật Bản phải học tập theo những lĩnh vực nước Anh có thể mạnh vượt trội là công nghiệp, kỹ thuật, công nghệ, tổ chức tài chính, thương mại, đóng tàu.

Về mặt quân sự, Sứ đoàn nhận thức Nhật Bản bắt buộc phải cải tổ, cách tổ chức quân đội theo kiểu phương Tây TBCN. Nhật Bản lựa chọn học tập theo cái ưu việt nhất về quân sự của từng nước phương Tây: Hải quân học tập theo Anh; Lục quân tổ chức theo kiểu Đức, công binh theo mô hình Pháp, hậu cần học theo quân đội Mỹ v.v...

Sứ đoàn Nhật Bản phải trải qua bao khó khăn, phức tạp và cả mạo hiểm đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ thứ ba mà Thiên Hoàng giao cho (Izumi Saburō, 2004). Sứ đoàn Nhật Bản tận mắt chứng kiến các thành tựu nổi bật nhất của văn minh công nghiệp phương Tây- đã vượt rất xa phương Đông và Nhật Bản. Ngay khi về nước (ngày 13/9/1873), Iwakura Tomomi đã kịp thời ngăn Thiên hoàng, chặn âm mưu phiêu lưu xâm lược Triều Tiên, khi Nhật Bản còn non yếu (Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, 1998, tr.316). Do nhận rõ sự lạc hậu, yếu kém của Nhật Bản so với phương Tây, Iwakura khuyến cáo Thiên hoàng nên tạm hoãn “Chinh Hàn” (viễn chinh sang Triều

Tiên), để tập trung ưu tiên cho canh tân tự cường đất nước.

Trên cơ sở đã khảo sát các nước phương Tây, sứ đoàn đã đề xuất lên Thiên Hoàng Meiji nhiều phương sách có hiệu quả để tiếp thu văn minh phương Tây, cụ thể như xây dựng tòa án, tiến hành cải cách giáo dục, thành lập hệ thống giáo dục đại học, phổ thông kiểu mới theo mô hình phương Tây, mời chuyên gia nước ngoài để giúp đẩy nhanh quá trình văn minh hóa đất nước, xây dựng hệ thống đường sắt, bưu điện v.v...

Việc cử sứ đoàn đi thị sát, học hỏi phương Tây là dựa trên chính sách phát triển, canh tân đất nước của Nhật Bản. Sứ đoàn Nhật Bản được cử đi trực tiếp thị sát, học hỏi văn minh phương Tây dài ngày (gần 2 năm), đưa ra các đề xuất giúp Chính phủ Nhật Bản xem xét, cân nhắc và đưa ra các biện pháp tiếp thu các thành tựu văn minh ưu việt nhất của từng nước phương Tây. Từ các thu hoạch, nhận thức sau chuyến đi phương Tây, Sứ đoàn đã kiến nghị đệ trình lên Thiên Hoàng: Chính phủ Nhật Bản cần thiết phải học tập văn minh phương Tây, để phát triển đất nước tự cường. Kể từ đó, Nhật Bản bắt đầu thực hiện mọi biện pháp để học tập và vận dụng hiệu quả các thành tựu văn minh phương Tây vào các lĩnh vực cần thiết nhất của đất nước.

Các biện pháp học tập bao gồm cải cách giáo dục, thuê các chuyên gia hàng đầu của nước ngoài tới Nhật Bản giảng dạy khoa học, kỹ thuật, cho đến cử học sinh, sinh viên ưu tú trực tiếp sang học tập ở các nước phương Tây.

2.2.3. Thuê các chuyên gia phương Tây sang Nhật Bản giảng dạy và làm việc giúp người Nhật tiếp thu được các kiến thức khoa học, kỹ thuật công nghệ

Theo đề xuất của Sứ đoàn, trước hết,

Nhật Bản cần phải mời được các chuyên gia phương Tây hàng đầu sang Nhật Bản giảng dạy trong một số lĩnh vực quan trọng nhất, trước hết là công nghệ và kỹ thuật, qua đó người Nhật có thể gián tiếp học tập, tiếp thu nguồn tri thức kỹ thuật khoa học phương Tây, giúp thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển công nghiệp đất nước Nhật Bản.

Nhật Bản thuê nhiều chuyên gia phương Tây trong lĩnh vực mà Nhật Bản ưu tiên hàng đầu là công nghệ và kỹ thuật, phục vụ cho phát triển các ngành công nghiệp. Chuyên gia nước ngoài làm việc ở Bộ Công nghiệp Nhật Bản (chiếm 1/3 tổng số chuyên gia ở Nhật Bản) là các kỹ sư chỉ đạo thi công các công trình lớn, hoặc hướng dẫn điều khiển các máy móc hiện đại. Ở Bộ Công nghiệp, các chuyên gia người Anh chiếm đến 60%, đảm nhiệm xây dựng các tuyến đường sắt, điện tín, hải cảng và đền biển. Ngài William Cargill, tổng công trình sư người Anh chỉ đạo xây dựng các tuyến đường sắt đầu tiên ở Nhật (Nguyễn Tiến Lực, 2004 B, tr.55-56).

Liên quan đến tổ chức quân đội và quản lý an ninh, Chính phủ Nhật Bản chủ yếu thuê các chuyên gia Pháp và Đức làm việc cho Bộ Lục quân; chuyên gia Đức được thuê làm cố vấn thiết lập hệ thống cảnh sát Nhật Bản.

Giáo dục là lĩnh vực đào tạo ra các tài năng và tạo sự liên kết chặt chẽ với phương Tây, cho nên, Bộ Giáo dục Nhật Bản chú trọng tập trung thuê chuyên gia giảng dạy ở các ngành khoa học tự nhiên, y học và ngôn ngữ học (đặc biệt là tiếng Anh). Bộ Giáo dục Nhật Bản cho biên soạn sách và tài liệu chuyên ngành theo khuôn mẫu của giáo dục phương Tây. Ở Bộ Giáo dục Nhật Bản, các chuyên gia người Đức chiếm 37,2%, Anh: 22,5%, Mỹ: 20,1%, Pháp: 13%. Những chuyên gia có ảnh hưởng lớn đến nền giáo dục cận đại Nhật là Giáo sư

David Murray, Scott (người Mỹ), Giáo sư Ludwig Reiss, Herman Roessler, Albert Mosse (người Đức), Luật sư Gustave Boissonade nổi tiếng người Pháp (Nguyễn Tiến Lực, 2016). Trong thời gian đầu cải cách Giáo dục Nhật Bản, ước tính có tới 500 giảng viên nước ngoài được thuê giảng dạy trong 15 trường Đại học Nhật Bản (phần lớn đã tiến hành tự chủ đại học).

Nhật Bản trả lương rất cao để lôi kéo các chuyên gia phương Tây giỏi nhất đến giảng dạy và hướng dẫn kỹ thuật và những chuyên gia đó thực sự có đóng góp to lớn vào quá trình hiện đại hóa Nhật Bản. Các giảng viên nước ngoài được Nhật Bản trả lương khoảng 125-300 yên/ tháng. Đó là mức lương cao hơn nhiều, khi so sánh lương công chức Nhật Bản chỉ khoảng 30 yên/ tháng (Shoji Umeda, 2008, pp.22-24).

Các giảng viên nước ngoài còn được nhận nhiều ưu đãi, chẳng hạn như được Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ hoặc đài thọ mọi việc ăn ở, được đi lại thuận lợi nhất.

Vào năm 1873, giáo viên chủ yếu là người nước ngoài được Bộ Giáo dục Nhật Bản thuê giảng dạy đối với các trường tiểu học ở Nhật Bản. Toàn bộ chi phí do Nhà nước Nhật Bản chi trả (Mai Ngọc Chừ và các tác giả, 2008, tr.726-727). Như vậy, nhằm cải cách giáo dục phải đi từ gốc, hệ thống đào tạo giáo viên phổ thông Nhật Bản cũng bắt đầu được xây dựng một cách quy mô, bài bản theo phương Tây (cụ thể là giáo dục theo mô hình 32 tiểu khu vực giống của Pháp).

Nhận thấy Anh và Pháp có nền tài chính và ngân hàng phát triển rất cao ở châu Âu, Bộ Tài chính Nhật Bản thuê chính các chuyên gia Anh và Pháp trợ giúp cho họ về kiến thức tài chính, ngân hàng. Anh là cường quốc thương mại hàng đầu thế giới và có lực lượng Hải quân hùng mạnh nhất, dễ hiểu là Bộ Hải quân Nhật

Bản phần lớn thuê các chuyên gia người Anh huấn luyện. Do Pháp có thế mạnh về luyện kim và đóng tàu chiến, chuyên gia Pháp được thuê làm việc ở nhà máy luyện kim ở Yokohama; kỹ sư Pháp Francois Verny đảm trách xây dựng nhà máy đóng tàu ở Yokosuka (thuộc Bộ Hải quân Nhật Bản quản lý). Nhận thấy người Mỹ giỏi về khai khoáng và xây dựng hạ tầng, Cục Khai khẩn Hokkaido thuê các chuyên gia Mỹ làm việc trong các ngành khai khoáng, xây dựng đường sá và sản xuất nông nghiệp ở khu vực Hokkaido.

Nhật Bản khôn khéo không thuê quá nhiều các chuyên gia nước ngoài, mà họ có sự lựa chọn rất kỹ lưỡng, chỉ thuê chuyên gia của nước có trình độ tiên tiến nhất về các lĩnh vực mà nước Nhật thực sự cần phát triển nhất. Umetani coi việc thuê chuyên gia phương Tây, tiếp thu kiến thức phương Tây chính là việc “Sử dụng kiến thức của ngoại quốc để chống lại sức ép của ngoại quốc”. B. Chamberlain cho rằng các chuyên gia phương Tây thực sự là “Người sáng tạo ra Nhật Bản cận đại” (Nguyễn Tiến Lực, 1999, tr.70-75). Các nhà nghiên cứu Nhật Bản và nước ngoài đều đánh giá cao vai trò, sự đóng góp của các chuyên gia nước ngoài vào sự phát triển Nhật Bản thời cận đại.

Nhật Bản nhận thức được việc mời các chuyên gia nước ngoài làm cố vấn, chỉ đạo công việc, giảng dạy kiến thức, dù có tác dụng rất to lớn trong việc tiếp thu kiến thức tiên tiến thế giới, nhưng vẫn chỉ giúp người Nhật học tập, tiếp nhận khoa học kỹ thuật phương Tây một cách gián tiếp. Mời các chuyên gia nước ngoài chưa phải là biện pháp chiến lược lâu dài, khó giúp Nhật Bản hóa các thành tựu văn minh phương Tây.

Chính phủ Nhật Bản ban đầu cũng thuê mượn các chuyên gia phương Tây với mức lương thật cao, vì Nhật Bản không

hẳn là nơi hấp dẫn họ đến sinh sống. Tuy nhiên, để trả lương rất cao cho chuyên gia nước ngoài, Chính phủ Nhật Bản khó kham nổi về lâu dài, bởi vì lúc đó đất nước còn nghèo, Nhật Bản rất khó đi vay và trả nợ cho các nước phương Tây với lãi suất cắt cổ! Vì vậy, tới cuối thế kỷ XIX, hầu như còn rất ít chuyên viên ngoại quốc tại Nhật Bản, trừ các giáo viên giảng dạy ngoại ngữ. Phương cách tốt nhất với Chính phủ Nhật Bản là chủ động cử du học sinh sang phương Tây học tập.

2.2.4. Cử du học sinh trực tiếp sang phương Tây học tập

Ngay từ đầu thời kỳ Meiji, sinh viên đã xuất dương sang các nước phương Tây học tập, cũng giống như vào các thời Nara và Heian từng sang Trung Quốc (Lương Duy Thứ, 2000, tr.293). Từ năm 1869, Chính phủ Nhật Bản nhận thấy rằng để nhanh chóng tiếp thu khoa học, kỹ thuật, chế độ và luật pháp phương Tây, cần phải khẩn cấp việc cử các học sinh có năng lực trực tiếp sang các nước phương Tây học tập. Chính phủ Nhật Bản đã không chọn hẳn một quốc gia nào làm khuôn mẫu, mà học lấy những ngành học nổi tiếng nhất của từng quốc gia phương Tây. Các sinh viên, kể cả nữ giới, đã được Chính phủ tuyển chọn cẩn thận căn cứ vào khả năng thực sự gửi ra nước ngoài học tập.

Chính phủ Nhật Bản đích thân đã tiến hành tuyển chọn và sử dụng ngân sách của nhà nước gửi các học sinh ưu tú nhất sang các nước phương Tây học tập. Đối tượng học sinh được Nhà nước chọn cử đi du học là con em các gia đình trong Triều đình và con cháu các Han có tiếng ở Nhật Bản. Người dân Nhật cho rằng điều đó là không công bằng, gây nên các mâu thuẫn xã hội ở Nhật Bản.

Trước tình hình đó, Chính phủ Meiji sửa đổi và ban hành *Quy chế về lưu*

học sinh (Kaigai Ryugakusei Kisoku - かいがいりゅうがくせいきそく) vào năm 1871. Theo đó, việc tuyển chọn du học sinh (Ryugakusei-留学生 | りゅうがくせい) phải tiến hành đúng theo Quy chế (Kisoku, 規則 | きそく) để đảm bảo một cách tự do, dựa vào năng lực thực sự của học sinh và việc gửi học sinh đó đến học tập ở nước ngoài (Kaigai 海外, かいがい), học trường nào (がっこう, gakkou), học ngành học nào (学, gakubu), học ở nước nào (Mỹ, Anh, Pháp, Đức), đều do Chính phủ Nhật Bản quyết định.

Du học sinh hưởng học bổng Chính phủ Nhật Bản được cử theo các ngành học tại những trường danh tiếng ở các quốc gia hàng đầu phương Tây: nước Anh về Hải quân và Hàng hải thương mại, nước Pháp về Luật pháp, Tổ chức chính quyền địa phương, động vật học và thực vật học, nước Đức về Quân sự, Y khoa, triết học và chính trị học. Chính phủ Nhật Bản chọn du học sinh các ngành bưu chính, công nghệ, nông học, gia súc, thương mại, khai khoáng thì học các trường ở Mỹ (Nguyễn Tiến Lực, 2004 A, tr. 56-57). So với các nước châu Âu, Mỹ là quốc gia có số lượng du học sinh Nhật Bản chọn theo học các ngành đông nhất.

Theo thống kê trong khoảng thời gian từ 1875 đến 1885, mỗi năm nước Nhật có khoảng 250 lưu học sinh đi du học phương Tây theo học bổng Nhà nước Nhật Bản và 123 lưu học sinh đi học do diện tư nhân tài trợ (Hoàng Xuân Vinh, 2021). So với các trường ở châu Âu, khoảng 100 trường ở Mỹ đa dạng các ngành học đã thu hút du học sinh Nhật Bản theo học đông đảo nhất.

Chính phủ Nhật Bản còn tiến hành điều tra tình hình học tập để giúp đỡ lưu học sinh khó khăn tài chính đang học ở phương Tây. Vì vậy, vào năm 1875, Bộ

Giáo dục và Bộ Tài chính Nhật Bản ban hành *Quy chế cho vay tiền đi du học (Monbusho Taihi Ryukusei Kisoka)* cho du học sinh vay tiền đi học và trả dần khi về nước làm việc.

Nhật Bản mạnh dạn gửi lưu học sinh đi học các ngành học kỹ thuật thiết yếu tại các trường đại học danh tiếng nhất ở các cường quốc Mỹ, Pháp, Đức, Anh nhằm đào tạo đội ngũ khoa học kỹ thuật thay thế cho chuyên gia nước ngoài. Nhật Bản có chính sách khôn khéo để tiếp thu tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây một cách trực tiếp hơn, lâu dài hơn trong việc cử lưu học sinh sang phương Tây học tập. Đây là chủ trương học tập văn minh và kỹ thuật phương Tây một cách bài bản để chuẩn bị cho chính sách phát triển cơ bản và lâu dài cho đất nước Nhật Bản (Arthad W. Burks-Umetani Noboru, 1990, pp.189-190). Thực tế cho thấy, các du học sinh Nhật Bản sau khi học xong về nước còn khá trẻ, được Nhà nước trọng dụng. Họ xuất sắc thay thế cho các chuyên gia nước ngoài và có vị trí rất quan trọng trong các cơ quan Chính phủ Nhật Bản, cũng như đóng vai trò thúc đẩy quá trình phát triển nhanh chóng của đất nước.

Nhờ hàng loạt chủ trương, chính sách và các biện pháp học tập các thành tựu văn minh phương Tây một cách đúng đắn, sáng tạo mà trong vòng 30 năm Nhật Bản đã duy tân thành công, dần xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, trở thành một nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, sánh ngang hàng với các cường quốc đế quốc trên thế giới.

2.3. Tác dụng từ học tập, tiếp thu văn minh phương Tây với Nhật Bản

Tiếp thu và học tập văn minh phương Tây đã làm thay đổi hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, giáo dục và xã hội, cuộc sống sinh hoạt của người Nhật Bản. Hàng loạt thành công to lớn từ các

cuộc cải cách Meiji: thống nhất tiền tệ, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở thành thị và ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông toàn quốc, hình thành các đô thị, xây dựng nền công nghiệp mới của Nhật Bản...

Các tuyến đường sắt được xây dựng ở Nhật Bản đã giúp lưu thông buôn bán, trao đổi hàng hoá giữa các vùng thuận tiện hơn trước. Bưu điện ở Nhật Bản được thiết lập; Rakugo đã trở thành một phương tiện thông tin để quảng bá rộng rãi văn minh phương Tây. Êdo được đổi tên thành Tôkyô để trở thành một kinh đô mới. Đèn đường được chiếu sáng xuất hiện ở các đô thị Nhật Bản; trung tâm văn hoá truyền thống Nhật Bản dần được thay thế bởi những khu phố Tây Ginza v.v...

Thay đổi về giáo dục và trang phục, nếp sống văn minh: Cải cách giáo dục Nhật Bản học theo giáo dục đại học Anh, Mỹ (tự chủ đại học), hệ thống pháp luật, giáo dục phổ thông của Pháp được Nhật Bản tiếp thu (tổ chức theo 8 khu vực lớn, 32 tiểu khu).

Năm 1872, Chính phủ cho phép công chức Nhật Bản mặc âu phục thay cho hakama truyền thống, phụ nữ Nhật Bản mặc váy bông kiểu châu Âu. Tháng 3/1872, Thiên Hoàng Minh Trị đã tự mình cắt tóc ngắn để làm gương cho toàn dân, tiếp theo, các quan chức chính phủ và địa phương lần lượt noi theo. Kiểu tóc ngắn bắt đầu được coi là biểu hiện của văn minh ở Nhật Bản. Đàn ông Nhật Bản bắt đầu được khuyến khích cắt tóc ngắn- như là biểu hiện của văn minh khai hóa (Matsuo Masahito, 2004, p.213). Quân nhân Nhật Bản mặc binh phục theo kiểu quân đội phương Tây.

Thay đổi về nếp sống ẩm thực: Chính quyền Minh Trị chính thức bãi bỏ lệnh cấm người Nhật ăn thịt bò trước đó. Dân chúng Nhật Bản bắt đầu có nhận thức khoa học về

ăn thịt có nhiều chất dinh dưỡng để cải thiện giống nòi, nâng cao thể lực cho người Nhật. Người Nhật cho rằng việc ăn thịt là cần thiết, tránh con mắt coi thường của người phương Tây (Okada Tetsu, 2000, p. 25). Người Nhật bắt đầu sử dụng nhiều sản phẩm từ thịt, sữa và bột mì. Ẩm thực Nhật Bản bắt đầu có thịt bò trong bữa ăn, dù trước đây thức ăn truyền thống Nhật Bản chủ yếu là cá và chim.

Lúc đầu, choáng ngợp trước ưu thế vượt trội của văn minh phương Tây, người Nhật nôn nóng Âu hóa đất nước họ và có thái độ tôn sùng mọi thứ đến từ phương Tây, xem thường văn hóa truyền thống Nhật Bản (Lương Duy Thứ, 2000, tr.294-295). Nhưng chẳng bao lâu, người Nhật nhận ra sai lầm của họ từ chính các nhà phê bình phương Tây. Từ khoảng năm 1888, đã có nhiều người Nhật phản ứng trước sự Âu hóa lệch lạc của Nhật Bản. Người Nhật nhận thấy đất nước Nhật hiện đại hóa là cần thiết, nhưng người Nhật không nhất thiết phải trở thành một người phương Tây. Chính Sakuma Shōzan¹ là người đã đặt ra cụm từ "Đạo đức phương Đông, học thuật phương Tây" (東洋道德西洋学芸 Tōyō dōtoku, Seiyō gakugei). Thời cận đại, con đường mà người Nhật hướng tới và đạt được kết quả rất thành công: hiện đại hóa về khoa học kỹ thuật, mà vẫn giữ được tinh thần dân tộc, cái mà từ thời Meiji gọi là wakon-yosai (Hòa hồn Dương tài-和魂洋才), tức là *linh hồn Nhật và kỹ thuật phương Tây* (Josephson, Jason Ānanda, 2012, p.108). Đó chính là nhờ sức mạnh cơ sở truyền thống của Nhật Bản đã bản địa hóa, hay chính xác hơn đã *Nhật Bản hóa* được các thành tựu văn minh từ bên ngoài. Đó là bài học lịch sử lớn lao, đất nước Nhật Bản để lại cho thế giới trong việc hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, luôn

giữ được đặc trưng phát triển của dân tộc Nhật Bản.

Người Nhật Bản đề cao tinh thần thực học *Zitsugaku* (mà tiêu biểu là Kaibara Ekiken), chỉ học những gì hợp lý, có ích, rồi đem áp dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, nhằm thúc đẩy sự phát triển của đất nước họ. Fukuzawa Yukichi là một trong những người Nhật Bản đầu tiên cổ vũ tuyên truyền luận điểm học tập nước ngoài là nhằm đuổi kịp phương Tây (Fukuzawa Yukichi, 2018). Khoa học kỹ thuật phương Tây từng góp phần đẩy lùi những trì trệ của chế độ phong kiến ở Nhật Bản. Người Nhật Bản tiếp tục đề ra khẩu hiệu học hỏi phương Tây, đuổi kịp phương Tây và cuối cùng phải vượt phương Tây (*Seiyō o manabi, Seiyō ni oitsuki, Seiyō o oinuku* - 西洋を学び、西洋に追いつき、西洋を追い抜く).

Nhật Bản đã thành công trong việc hiện đại hóa đất nước, đưa mục tiêu cháy bỏng của họ là đuổi và còn vượt cả các nước phương Tây (Nguyễn Duy Dũng, 2008, tr.61-63). Ở thời đại nào cũng vậy, chỉ sau một thời gian tiếp thu thành tựu văn minh bên ngoài, Nhật Bản đã đuổi kịp các nước tiên tiến và xây dựng Nhật Bản thành quốc gia phát triển.

3. Kết luận

Vào thời cận đại, khi nhận thức được văn minh phương Tây có sự tiến bộ vượt bậc so với văn minh phương Đông, người Nhật chủ trương tiếp thu, học tập các thành tựu tiên tiến nhất của văn minh phương Tây để và phát triển đất nước tự cường. Từ đó Nhật Bản đã đề ra chính sách, đường lối học theo các thành tựu ưu việt nhất của từng nước phương Tây, áp dụng thích hợp vào các lĩnh vực mà Nhật Bản cần phát triển nhất.

Bản địa hóa là nét độc đáo trong sự phát triển văn minh của đất nước Nhật Bản.

Có thể nói người Nhật rất cố gắng trong việc chuyển hóa những yếu tố văn minh bên ngoài trở thành thành tựu mang đặc trưng của dân tộc Nhật Bản. Người Nhật không tiếp thu tất cả các yếu tố văn minh phương Tây, mà biết chọn lựa học những yếu tố phù hợp nhất, rồi vận dụng sáng tạo trong thực tiễn phát triển đất nước Nhật Bản.

Bằng sức mạnh nội lực vươn lên mạnh mẽ về kinh tế của đất nước Nhật Bản, dựa trên cơ sở vững chắc của văn hóa, văn minh truyền thống dân tộc, người Nhật đã *Nhật Bản hóa* thành công những thành tựu văn minh phương Tây họ tiếp

thu thời cận hiện đại.

Những yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc đã giúp *Nhật Bản hóa* các thành tựu văn minh phương Tây bên ngoài, tạo nên sự phát triển vượt bậc của đất nước, biến chúng thành giá trị văn minh độc đáo của Nhật Bản, được thừa nhận và học tập không chỉ ở châu Á mà trên cả bình diện toàn cầu. Nhìn lại lịch sử, người ta nhận thấy người Nhật Bản đã biết kết hợp hài hòa giữa những giá trị văn hóa, văn minh truyền thống của dân tộc với việc tiếp thu tinh hoa các giá trị của những dân tộc khác. Đó cũng là bài học kinh nghiệm cho sự hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.

Chú thích

¹ Sakuma Zozan, một học giả về Tây học sinh ra ở Shinshu, làm việc tại trường Đại học Nagano. Những người trẻ tuổi theo học ở trường tư của ông đã trở thành động lực tiên phong trong một thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Arthad W. Burks-Umetani Noboru. (1990). *Kindaika no suishinshatachi: Ryugakusei Oyatoi Gaikokujin to Meiji (Những người xúc tiến công cuộc hiện đại hóa, du học sinh, chuyên gia nước ngoài thời Meiji)*. Shibunkaku Shuppan, Tokyo.
- Fukuzawa Yukichi. (2018). *Khái lược văn minh luận*. Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch. Nxb Thế giới. Hà Nội.
- Hoàng Xuân Vinh (2021). Phát triển giáo dục, ta có thể học được gì từ Nhật, Singapore, Philippines. <https://giaoduc.net.vn/phat-trien-giao-duc-ta-co-the-hoc-duoc-gi-tu-nhat-singapore-philippines-post220241.gd>. Truy cập 4/2/2024.
- Izumi Saburō. (2004). *Sự mạo hiểm của phái đoàn Iwakura*. Nxb Bunshun shinsho (泉三郎, 2004年. 岩倉使節団という冒険. 文春新書).
- Josephson, Jason Ānanda. (2012). *The Invention of Religion in Japan*. Chicago: University of Chicago Press.
- Lê Văn Quang. (1996). *Lịch sử Nhật Bản*. Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- Lương Duy Thứ. Chủ biên. (2000). *Đại cương văn hoá phương Đông*. Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Mai Ngọc Chừ. Chủ biên. Đỗ Thu Hà. Hồ Hoàng Hoa. Nguyễn Thị Thanh Hoa. Ngô Tuyết Lan. (2008). *Giới thiệu văn hóa phương Đông*. Nxb Hà Nội.

- Matsuo Masahito. 2004. *Minh trị duy tân và văn minh khai hóa, Lịch sử cận đại Nhật Bản* số 21, Nxb Yoshikawakōbunkan, Tokyo (松尾正人, 2004年. 明治維新と文明開化-日本時代史 21. 吉川弘文館, 東京).
- Michio Morishima. (1991). *Tại sao Nhật Bản “thành công”? Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Okada Tetsu. (2000). *Khai sinh của Tonkatsu và ẩm thực thời Minh Trị*. Nxb Kodasha, Tokyo (岡田哲, 2000年. 明治飲食初め—とんかつの誕生. 講談社, 京東).
- Nguyễn Duy Dũng. (2008). Nhật Bản với việc tiếp thu các giá trị nhân loại. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*. Số (11), tr. 55 – 63.
- Nguyễn Tiến Lực. (1999). Chuyên gia nước ngoài và sự nghiệp cận đại hóa Nhật Bản, *Nghiên cứu Kinh tế*, Số (258), Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Lực. (2004 A). Phong trào du học của thanh niên Nhật Bản vào thời Meiji, *Nghiên cứu Lịch sử*, số (335). Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Lực. (2004 B). Sứ đoàn Iwakura và sự nghiệp cận đại hóa Nhật Bản, *Nghiên cứu lịch sử*, số 341, Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Lực. (2016). *Về cách thức tiếp nhận văn minh bên ngoài của Nhật Bản*. <https://nghiencuulichsu.com/2016/05/27/ve-cach-thuc-tiep-nhan-van-minh-ben-ngoai-cua-nhat-ban/>. Truy cập 12/12/2024.
- Nguyễn Thị Châu. (2020). Về cách tiếp cận văn minh phương tây của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Tập 2, số (65). 2020, tr.104-108.
- Perry, Matthew Calbraith. (1856). *Narrative of the expedition of an American Squadron to the China Seas and Japan, 1856*. Archive 2017-05-19 in Wayback Machine New York: D. Appleton and Company.
- Shoji Umeda. (2008). *Lương của người nước ngoài được tuyển dụng trong thời kì đầu Minh trị*. Tuyển tập kinh doanh và lưu thông. Đại học quản trị và Marketing, Quyển số 21, tập 1, pp. 1-21(植村正治, 2008年. 明治前期お雇い外国人の給与. 流通科学大学論集—流通・経営編, 第21巻第1号, pp. 1-24).
- Vĩnh Sinh. (1991). *Nhật Bản Cận đại*. TP Hồ Chí Minh: Nxb TP Hồ Chí Minh.
- Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng. (1998). *Lịch sử thế giới cận đại*. Nxb Hà Nội.

Ngày nhận bài: 07/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 24/3/2025